

Chi tiết mã HS 1515.90.92

Mã HS	1515.90.92
Mô tả hàng hóa	Chất béo và dầu không bay hơi khác của thực vật hoặc vi sinh vật (kể cả dầu jojoba) và các phần phân đoạn của chúng, đã hoặc chưa tinh chế, nhưng không thay đổi về mặt hóa học / - Loại khác: / - - Loại khác: / - - - Các phần phân đoạn của dầu chưa tinh chế
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	01/11/2026 13:30:06
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 - BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/15159092/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K2018
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N2018
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q2018
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) - 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-MY)	0% (trừ MY)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	1,8	1,8%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	1,8	1,8%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	3.5	3,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E2019
ATIGA	2022	2022	0	AT!E1992
ATIGA	2023	2023	0	AT!F1992
ATIGA	2024	2024	0	AT!G1992
ATIGA	2025	2025	0	AT!H1992
ATIGA	2026	2026	0	AT!I1992
ATIGA	2027	2027	0	AT!J1992
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E2022
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F2022

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G2022
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H2022
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I2022
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J2022
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E2024
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F2024
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G2024
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H2024
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I2024
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J2024
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F2026
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H1994
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F1994
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G1994
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H1994
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I1994
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J1994
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K1994
VKFTA	2022	2022	0	VK!E1992
VKFTA	2023	2023	0	VK!F1992
VKFTA	2024	2024	0	VK!G1992
VKFTA	2025	2025	0	VK!H1992
VKFTA	2026	2026	0	VK!I1992
VKFTA	2027	2027	0	VK!J1992
VCFTA	2022	2022	0	VC!D2033
VCFTA	2023	2023	0	VC!E2033

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F2033
VCFTA	2025	2025	0	VC!G2033
VCFTA	2026	2026	0	VC!H2033
VCFTA	2027	2027	0	VC!I2033
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D2032
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E2032
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F2032
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G2032
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H2032
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I2032
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D2038
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E2038
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F2038
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G2038
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H2038
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I2038
EVFTA	2022	2022	3,6	EV-NK!D1997
EVFTA	2023	2023	3,1	EV-NK!E1997
EVFTA	2024	2024	2,7	EV-NK!F1997
EVFTA	2025	2025	2,2	EV-NK!G1997
EVFTA	2026	2026	1,8	EV-NK!H1997
EVFTA	2027	2027	1,3	EV-NK!I1997
UKVFTA	2022	2022	3,6	UKV!D1999
UKVFTA	2023	2023	3,1	UKV!E1999
UKVFTA	2024	2024	2,7	UKV!F1999
UKVFTA	2025	2025	2,2	UKV!G1999

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	1,8	UKV!H1999
UKVFTA	2027	2027	1,3	UKV!I1999
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	1,6	CPTPP!D1999
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0,8	CPTPP!E1999
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F1999
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G1999
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H1999
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I1999
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J1999
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D2024
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E2024
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F2024
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G2024
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H2024
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I2024
RCEP B	2022	2022	0	B!D2024
RCEP B	2023	2023	0	B!E2024
RCEP B	2024	2024	0	B!F2024
RCEP B	2025	2025	0	B!G2024
RCEP B	2026	2026	0	B!H2024
RCEP B	2027	2027	0	B!I2024
RCEP C	2022	2022	0	C!D2024
RCEP C	2023	2023	0	C!E2024
RCEP C	2024	2024	0	C!F2024
RCEP C	2025	2025	0	C!G2024
RCEP C	2026	2026	0	C!H2024

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I2024
RCEP D	2022	2022	0	D!D2024
RCEP D	2023	2023	0	D!E2024
RCEP D	2024	2024	0	D!F2024
RCEP D	2025	2025	0	D!G2024
RCEP D	2026	2026	0	D!H2024
RCEP D	2027	2027	0	D!I2024
RCEP E	2022	2022	0	E!D2027
RCEP E	2023	2023	0	E!E2027
RCEP E	2024	2024	0	E!F2027
RCEP E	2025	2025	0	E!G2027
RCEP E	2026	2026	0	E!H2027
RCEP E	2027	2027	0	E!I2027
RCEP F	2022	2022	0	F!D2024
RCEP F	2023	2023	0	F!E2024
RCEP F	2024	2024	0	F!F2024
RCEP F	2025	2025	0	F!G2024
RCEP F	2026	2026	0	F!H2024
RCEP F	2027	2027	0	F!I2024
VIFTA	2024	2024	4.5	VI!F1883
VIFTA	2025	2025	4	VI!G1883
VIFTA	2026	2026	3.5	VI!H1883
VIFTA	2027	2027	3	VI!I1883

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 1515.90 có 12 dòng thuế; dòng 1515.90.92 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Các phần phân đoạn của dầu chưa tinh chế.	1515.90.11 Dầu thô (SEN); 1515.90.12 Các phần phân đoạn của dầu chưa tinh chế (SEN); 1515.90.19 Loại khác (SEN); 1515.90.21 Dầu thô; 1515.90.22 Các phần phân đoạn của dầu chưa tinh chế; 1515.90.29 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 1515.90.92. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 1515.90.92 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N2018), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.